

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 445/2020/HC-PT  
Ngày: 25 - 8 - 2020  
V/v: “Khiếu kiện quyết định giải  
quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản  
lý đất đai”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trí Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh  
Ông Phan Nhựt Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ưc Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 685/2019/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 870/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

**- Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Văn N - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Tr, khóm 1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 01/01/2019 và bản khai ngày 21/5/2019, ông Nguyễn Văn Tr trình bày:*

Vào năm 2004, sau khi anh lập gia đình, thì mẹ vợ là Nguyễn Thị C cất cho vợ chồng anh một căn nhà ra ở riêng. Nhà được cất nằm cấp mé kênh M, ngang 3m, dài 6m phía ngoài đường dal thuộc khóm B, phường A, thị xã H. Nhà cất bằng cây sắt tạp, vách tol, lợp tol, lót ván me tây, nóng đá. Vợ chồng anh sống đến giữa năm 2006 thì cha vợ là Đỗ Văn D bị bệnh tai biến, nhà mẹ vợ đơn chiếc nên vợ anh sáng về chăm sóc cha mẹ, tối về nhà ngủ, còn anh thì đi làm mướn, nhà thì ban ngày khóa lại. Từ khi lập gia đình cho đến nay, anh đã có hộ khẩu riêng. Vào cuối năm 2006, có ông Võ Văn D1 là người ở xứ khác đến làm ăn, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không có chỗ ở, ông D1 có đến hỏi bà C cho mượn căn nhà của anh để ở. Bà C về có trao đổi với vợ chồng anh và thống nhất cho ông D1 dọn vào ở. Ông D1 ở được vài năm thì di dời nơi khác, khi đi có tháo gỡ đi một số cây đã tu bổ khi mượn nhà. Vào năm 2009, cán bộ địa chính phường A đi khảo sát lên danh sách những hộ cất nhà cấp với mé kênh M để có chính sách bồi hoàn và tái định cư, thì anh có kê khai nhà. Vào năm 2011, nước lớn, dòng chảy mạnh cho nên nhà bị sập nên anh mới dỡ ra xếp lại tại nền nhà. Vào năm 2013, Nhà nước chủ trương san lấp M và bố trí nền cho các hộ trong dự án bị giải tỏa trên Cụm dân cư A (giai đoạn 2) theo chương trình 105 trả chậm. Nhưng trong quá trình các cơ quan thẩm quyền khảo sát thì ông D1 được bố trí một nền nhà tái định cư. Anh phát hiện và có đơn ngăn chặn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường A giải quyết. Sau khi giải quyết thì Ủy ban cũng không bố trí nền nhà cho ông D1. Ngày 12/4/2018, anh có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân phường A yêu cầu giải quyết.

Ngày 18/4/2018, anh nhận được Công văn số 114/UBND ngày 17/4/2018 của Ủy ban nhân dân phường A trả lời đơn yêu cầu. Anh tiếp tục khiếu nại lên Ủy ban nhân dân thị xã H. Ngày 30/7/2018, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Công văn số 882/UBND-HC cho rằng gia đình anh không thuộc đối tượng được bố trí nền nhà theo chương trình 105 vì đã có nhà ở ổn định. Ngày 26/12/2018, Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND-NC giải quyết khiếu nại “lần đầu”, nội dung bác đơn khiếu nại của anh về yêu cầu bố trí một nền nhà trả chậm theo chương trình 105 của Chính phủ và giữ nguyên Công văn số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018.

Nay anh yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 05/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H và Công văn hành chính số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H.

*Tại Văn bản ý kiến ngày 09/5/2019, Văn bản số 948/UBND-HC và Văn bản số 949/UBND-ltC cùng ngày 24/7/2019, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày:*

Nguồn gốc căn nhà là do bà Nguyễn Thị C (mẹ vợ) cất cho vợ chồng ông

Tr ở từ năm 2004 (sau khi lập gia đình), nhà cất tạm, kết cấu khung vách lá, nằm phía ngoài M thuộc ấp A, thị trấn H (nay là khóm B, phường A).

Vợ chồng ông Tr ở được khoảng 01 năm thì dọn về sống chung cùng nhà với cha mẹ vợ để chăm sóc cha vợ bệnh, ngôi nhà đó khóa lại không ai ở. Đến khoảng tháng 5 năm 2005, thì ông Võ Văn D1 là người nơi khác đến sinh sống, do không có nơi ở có hỏi bà C ở nhờ trong căn nhà bà C cất cho vợ chồng ông Tr (lúc này nhà để trống không ai ở), bà C đồng ý cho ông D1 ở nhờ và vợ chồng ông Tr cũng biết và không có ý kiến gì.

Năm 2007, Ủy ban nhân dân thị trấn H (nay là phường A) xây dựng kế hoạch giải tỏa các hộ cất nhà trái phép trên địa bàn Thị trấn, bao gồm các hộ cất nhà trái phép phía ngoài đường Bờ Bắc, Bờ Nam M, tổng số có 49 trường hợp (trong đó có hộ ông Võ Văn D1, hộ ông Tr không có tên trong danh sách này), Ủy ban nhân dân thị trấn lập đoàn công tác đến từng hộ gia đình vận động tháo dỡ nhà cất trái phép giao lại đất trống cho Nhà nước quản lý. Sau khi vận động, có một số hộ tự nguyện tháo dỡ nhà và tài sản đi nơi khác (hộ ông D1 tự nguyện chấp hành tháo dỡ phần ông D1 gia cố trong ngôi nhà và di dời đi nơi khác), ngôi nhà đó ông trả lại cho bà C và vợ chồng ông Tr cũng không ở trong ngôi nhà này (vẫn sống cùng nhà với bà C), đến năm 2011 thì ngôi nhà này sập đổ.

Năm 2012, Ủy ban nhân dân thị xã H có chủ trương quy hoạch xây dựng tuyến dân cư M, phường A. Mặt khác, có ưu tiên cho các hộ trước đây có nhà cất trái phép phía ngoài đường đal M bị ảnh hưởng giải tỏa và không có chỗ ở ổn định được mua nền trả chậm trên cụm dân cư A. Sau khi rà soát danh sách các hộ bị giải tỏa thì hộ ông Võ Văn D1 có tên trong danh sách hộ có nhà ở bị giải tỏa và không có chỗ ở ổn định, nên được Ủy ban nhân dân phường xem xét đề nghị Ban chỉ đạo cụm tuyến dân cư thị xã bố trí một nền trả chậm theo Chương trình 105.

Năm 2015, Ủy ban nhân dân phường A họp Hội đồng xét đề xuất Ban chỉ đạo cụm tuyến dân cư thị xã bố trí cho ông Võ Văn D1 một nền nhà trả chậm theo Chương trình 105. Sau khi được sự thống nhất của Ban chỉ đạo cụm tuyến dân cư, Ủy ban nhân dân phường tiến hành niêm yết danh sách đủ điều kiện, trong thời gian niêm yết và chờ đề nghị Ủy ban nhân dân Thị xã ra quyết định giao đất, thì hộ ông Tr đứng ra khiếu nại việc xét bố trí bán nền nhà trả chậm theo Chương trình 105 cho ông D1. Năm 2016, Ủy ban nhân dân phường A chủ trì mời hòa giải vụ việc khiếu nại của ông Tr với ông D1, theo đó thì ông D1 trình bày sự việc là có thỏa thuận mua lại xác nhà trên của bà C với giá là 400.000 đồng, tuy nhiên việc ông D1 mua bán không có giấy tờ gì chứng minh, cũng không có bất cứ ai làm chứng và ông Tr không thừa nhận đã bán căn nhà đó cho ông D1 (chỉ cho ở nhờ). Do đó, Ủy ban nhân dân phường A ngưng việc xét cấp, bán nền nhà trả chậm cho ông D1 vì ông D1 không thuộc đối tượng có tài sản bị giải tỏa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, ông Tr có đơn yêu cầu gửi đến Ủy ban nhân dân phường A. Nội dung yêu cầu giải quyết nền nhà giữa anh và ông Võ Văn

D1.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường A ban hành Công văn số 114/UBND về việc trả lời đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr. Nội dung Công văn trả lời ông D1 không thuộc đối tượng có tài sản bị giải tỏa, riêng trường hợp của ông Tr hiện nay có chỗ ở ổn định cùng nhà với bà Nguyễn Thị C (mẹ vợ), mặt khác chủ trương của Ủy ban nhân dân Thị xã hiện nay chỉ giải quyết bố trí nền cho các hộ bị giải tỏa không có chỗ ở khác. Ông Tr không thống nhất với Công văn số 114/UBND ngày 17 tháng 04 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường A và tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thị xã, yêu cầu bố trí một nền nhà theo Chương trình 105 mà Nhà nước quy định.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Ủy ban nhân dân Thị xã ban hành Công văn số 882/UBND-HC về việc trả lời đơn ông Nguyễn Văn Tr. Nội dung việc ông Tr yêu cầu bố trí 01 nền nhà theo Chương trình 105 mà Nhà nước quy định, theo Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg ngày 02/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 72/2002/TTLT-TC-XD-NHNN ngày 23/8/2002 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn thực hiện chính sách cho các hộ dân vùng ngập lũ mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long thì trường hợp của anh không đúng đối tượng, nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, ông Tr có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân Thị xã. Nội dung khiếu nại về việc không thống nhất Công văn số 882/UBND-ITD ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H, yêu cầu giải quyết khiếu nại của anh bằng một quyết định theo quy định.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Ủy ban nhân dân Thị xã đối thoại với hộ ông Nguyễn Văn Tr và vợ là Đỗ Thị Tuyết Nhung. Nội dung về việc ông Tr không thống nhất với nội dung trả lời tại Công văn số 882/UBND-HC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thị xã và yêu cầu bố trí 01 nền nhà trả chậm theo chương trình 105.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H ban hành Quyết định số 05/QĐ-UBND-NC về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr. Nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu bố trí 01 nền nhà trả chậm theo Chương trình 105 (Quyết định số 105/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và giữ nguyên Công văn số 882/UBND-HD ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H về việc trả lời đơn ông Nguyễn Văn Tr.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 1 Điều 116, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số:

07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ vào quy định tại Quyết định 105/2002/QĐ-TTg ngày 02/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 1 Nghị định 204/2005/QĐ-TTg ngày 15/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ, khoản 1 Phần A Thông tư liên tịch số 72/2002/TTLT-TC-XD-NHNN ngày 23/8/2002 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr đối với yêu cầu hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2018, Văn bản số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 10 năm 2019, ông Nguyễn Văn Tr kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:* Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa xem xét, đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự. Kháng cáo của ông Tr là có cơ sở chấp nhận. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy quyết định hành chính bị kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2019, ông Tr khởi kiện với các yêu cầu sau: Hủy văn bản số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 của UBND thị xã H, hủy quyết định số 05/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã H.

Xét thấy, văn bản số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 của UBND thị xã H có nội dung không chấp nhận yêu cầu bố trí 01 nền tái định cư theo chương trình 105 của ông Nguyễn Văn Tr. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính thì văn bản 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 là quyết định hành chính bị kiện. UBND thị xã H được xác định là người bị kiện theo khoản 9 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót khi xác định không đầy đủ người bị kiện. Tuy nhiên, đại diện theo pháp luật của UBND thị xã H là chủ tịch UBND thị xã đã tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bị kiện. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Chủ tịch UBND thị xã H cũng đã có ý kiến trình bày đối với văn bản 882/UBND-HC. Do đó, vi phạm tố tụng này của Tòa án cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ nêu đề Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc căn nhà cấp mé kênh M, có diện tích ngang 3m, dài 6m phía ngoài đường đal thuộc khóm B, phường A, thị xã H là do bà Nguyễn Thị C xây dựng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr vào năm 2004. Năm 2007, khi UBND thị xã H có kế hoạch giải tỏa các hộ dân cất nhà trái phép, bao gồm các hộ dân xây dựng nhà trái phép phía ngoài đường Bờ Bắc, Bờ Nam M thì căn nhà trên do ông Võ Văn D1 quản lý sử dụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2016, ông Võ Văn D1 trình bày có thỏa thuận với bà C để mua lại căn nhà trên với giá 400.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Khi UBND thị xã H vận động thì ông D1 đã tháo dỡ những phần ông xây dựng thêm và di chuyển nơi khác. Do đó, có cơ sở xác định thời điểm UBND thị xã H có chủ trương giải tỏa vào năm 2007 thì căn nhà vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn Tr.

[2.2] Năm 2012, UBND thị xã H có chủ trương quy hoạch xây dựng tuyến dân cư M, phường A ưu tiên cho các hộ dân trước đây có nhà cất trái phép phía ngoài đường đal M bị giải tỏa và không có chỗ ở ổn định được mua nền nhà trả chậm trên cụm dân cư A. Theo quy định tại Quyết định 105/2002/QĐ-TTg ngày 02/8/2002, quyết định 204/2005/QĐ-TTg ngày 15/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 72/2002/TTLT-TC-XD-NHNN ngày 23/8/2002 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước thì đối tượng được ưu tiên mua trả chậm nền nhà và nhà ở trong cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ là các hộ nghèo, hộ chính sách, hộ trong diện phải thu hồi đất để xây dựng cụm, tuyến dân cư.

Người bị kiện cho rằng khi tiến hành việc kiểm đếm vào năm 2012 thì căn nhà đã không còn, gia đình ông Tr cũng đã có chỗ ở khác nên không đủ điều kiện được xem xét mua trả chậm nền nhà.

Xét thấy, năm 2015 UBND phường A đã đề xuất cho ông Võ Văn D1 (người đang ở nhờ) một nền trả chậm nhưng sau đó ngưng xem xét vì ông D1 không phải chủ sở hữu căn nhà bị giải tỏa. Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người bị kiện trình bày lý do ông D1 được xem xét vì là người chấp hành việc tháo dỡ, di dời tại thời điểm giải tỏa trước đây. Như vậy, thời điểm giải tỏa để được xem xét là vào năm 2007 và gia đình ông Tr là đối tượng bị giải tỏa.

Theo xác nhận ngày 29/8/2019 của công an thị xã H thì ông Nguyễn Văn Tr tách thành hộ riêng và thường trú tại địa phương. Việc đang ở cùng nhà với bà Nguyễn Thị C (mẹ vợ ông Tr) không thể hiện gia đình ông Tr được quyền sở hữu căn nhà đang ở. Sau khi ông D1 tháo dỡ phần xây dựng thêm thì căn nhà không đảm bảo an toàn để ở và bị sập vào năm 2011. Vì vậy, người bị kiện cho rằng ông Tr đã có nơi ở ổn định là chưa đủ căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: UBND thị xã H, Chủ tịch UBND thị xã H ban hành văn bản 882/UBND-HC ngày 30/7/2018, quyết định 05/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2018 không chấp nhận yêu cầu của ông Tr là chưa đủ căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa toàn diện, đầy đủ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Tr không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

I/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr. Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 04/2019/HC-ST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 1 Điều 116, Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 điều 18 Luật khiếu nại 2011;

Căn cứ vào quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ vào quy định tại Quyết định 105/2002/QĐ-TTGT ngày 02/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 1 Nghị định 204/2005/QĐ-TTGT ngày 15/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ, khoản 1 Phần A Thông tư liên tịch số 72/2002/TTLT-TC-XD-NHNN ngày 23/8/2002 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr đối với yêu cầu:

- Hủy Văn bản số 882/UBND-HC ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H.

- Hủy Quyết định số 05/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005406 ngày 29/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000688 ngày 14/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (7) 15b (Án07).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trí Tuấn**



